TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 05/3/2026.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Lý Công Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Thành Tâm

Ông Nguyễn Văn Giáp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 209/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu H; Sinh ngày 09/91965; CCCD số: 093165001363; Địa chỉ: Ấp Đ, xã C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T; Sinh ngày 05/10/1963; CCCD số: 094063006048; Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, thành phố Cần Thơ (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do bà Nguyễn Thị Thu H lập ngày 17/10/2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày như sau: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu T kết hôn với nhau vào năm 2013, có đi đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Cần Thơ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc cho nên vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2018 đến nay.

Trong thời gian hôn nhân bà và ông T không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Hữu T nhưng ông Nguyễn Hữu T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H và không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 17/10/2025, bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hữu T có nơi cư trú ấp N, xã Đ, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Hữu T vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã tại

Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/3/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu T là hợp pháp. Nhưng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến thường hay cãi nhau và mâu thuẫn kéo dài đến năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà Nguyễn Thị Thu H làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà H, ông Thành đoàn T1 với nhau, tuy nhiên phía ông Nguyễn Hữu T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Hữu T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà Nguyễn Thị Thu H xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Trong thời gian sống chung bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu T không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H xác định không có và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2024) và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bà Nguyễn Thị Thu H là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí, nên bà Nguyễn Thị Thu H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn. Ông Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Thu H được miễn án phí.

+ Ông Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho đương sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Cần Thơ (P. Giam đốc, Kiểm tra, Thanh tra và THA);
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- UBND xã Đại Ngãi, Tp. Cần Thơ;
- Thi hành án Thành phố Cần Thơ;
- Các bên đương sự;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Công Minh